TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN T** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **305** /2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 4 - 2023
V/v: "Tranh chấp xác định cha cho con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Hoàng Thị Thanh Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Trang

2. Bà Trần Quang Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên toà:* Bà Đoàn Thị Thúy Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2023 về: "Tranh chấp xác định cha cho con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 197/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thúy Q, sinh năm 1997; Địa chỉ: 37/7 đường L, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Hứa H, sinh năm 1985; Địa chỉ: 109/32A đường L, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy Q trình bày: Bà và ông Hứa H tự nguyện chung sống với nhau năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận T. Bà và ông H có với nhau 01 con chung tên Hứa Hải M, sinh ngày 19/4/2018. Trong quá trình chung sống, bà và ông H phát sinh nhiều mâu thuẫn nên bà và ông H làm thủ tục ly hôn tại Tòa án nhân dân quận T theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải tại Tòa án số 53/2022/QĐCNTTLH ngày 07/11/2022. Tại Quyết định ly hôn thì bà và ông H chỉ xác nhận có một con chung tên Hứa Hải M.

Tuy nhiên, trong thời gian còn quan hệ hôn nhân với ông H, bà có phát sinh tình cảm với người đàn ông khác (hiện ở đâu bà không biết) và mang thai. Đến ngày 04/02/2022 thì bà sinh được một bé trai nặng 2500g tại Bệnh viện Từ Dũ theo Giấy chứng sinh số nhập viện 6178, Số TT: 0010915, quyển số 0110 ngày 04/02/2022 có tên thường gọi là Nguyễn Đăng K. Do thời điểm bà sinh trẻ K thì bà còn quan hệ hôn nhân với ông H nhưng trẻ K không phải con ông H. Hiện tại, bà chưa làm thủ tục khai sinh cho trẻ Khoa được.

Nay bà yêu cầu Tòa án xác định cháu bé trai cân nặng 2500g theo Giấy chứng sinh số nhập viện 6178, Số TT: 0010915, quyển số 0110 ngày 04/02/2022 có tên gọi là Nguyễn Đăng K không phải là con của ông H để bà làm thủ tục đăng ký khai sinh cho trẻ K.

Bị đơn ông Hứa H trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Thúy Q chung sống năm 2017. Ông và bà Q chỉ có một con chung tên Hứa Hải M, sinh ngày 19/4/2018. Sau đó giữa ông và bà H phát sinh mâu thuẫn nên ông và bà Q đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các bên tham gia hòa giải tại Tòa án số 53/2022/QĐCNTTLH ngày 07/11/2022.

Trong thời gian ông và bà Q sống ly thân thì bà Q có chung sống với người khác, có thai và sinh được một bé trai nặng 2500g. Đây không phải là con ông. Nay bà Q yêu cầu Tòa án xác định bé trai cân nặng 2500g theo Giấy chứng sinh số nhập viện 6178, Số TT: 0010915, quyển số 0110 ngày 04/02/2022 có tên gọi là Nguyễn Đăng K không phải là con của ông thì ông không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu như trên và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

+ *Về việc tuân theo pháp luật*: Đương sự, Thư ký và Hội đồng xét xử đều tuân theo pháp luật được qui định tại Điều 48, Điều 51, Điều 63, Điều 203, Từ Điều 239 đến Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Việc giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử: Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và Kết quả xét nghiệm DNA huyết thống số 8385-DTHPT-DNA HT ngày 22/3/2023 của Bệnh viện Truyền máu Huyết học – Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận: Ông Hứa H không phải là cha đẻ của bé trai tên Nguyễn Đăng K. Do đó, có cơ sở để xác định ông H không phải là cha đẻ của trẻ Nguyễn Đăng K. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 88, Điều 101 và Điều 102 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét nội dung Đơn khởi kiện đề ngày 28/12/2022 của nguyên đơn. Bị đơn có nơi cư trú tại phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình có quan hệ tranh chấp là "Xác định cha cho con". Tòa án nhân dân quận T thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Về thủ tục xét xử vắng mặt các đương sự: Các đương sự có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, do đó, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Xét, lời trình bày của đương sự và Kết quả xét nghiệm DNA huyết thống số 8385-DTHPT-DNA HT ngày 22/3/2023 của Bệnh viện Truyền máu Huyết học – Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận như sau: " *Kết luận trên cho thấy có 08 gen trong số những gen được khảo sát hiện diện ở người cha nhưng hoàn toàn không tìm thấy ở người con. Do đó, có đủ dữ kiện để kết luận ông Hứa H không phải là cha đẻ của Nguyễn Đăng K*". Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định ông Hứa H không phải là cha đẻ của bé trai cân nặng 2500g theo Giấy chứng sinh số nhập viện 6178, Số TT: 0010915, quyển số 0110 ngày 04/02/2022 có tên thường gọi là Nguyễn Đăng K nên yêu cầu của bà Q phù hợp Điều 88, Điều 89, Điều 101, khoản 2 Điều 102 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên có căn cứ chấp nhận.

[3] Về chi phí giám định: Nguyên đơn đã nộp xong và tự nguyện chịu chi phí giám định nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí Tòa án theo quy định tại điểm b, Khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 271 Bộ Luật Tố tụng dân sự; Điều 88, Điều 89, Điều 101, khoản 2 Điều 102 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm b, Khoản 1 Điều 12, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy Q.

Xác định ông Hứa H không phải là cha đẻ của bé trai cân nặng 2500g theo Giấy chứng sinh số nhập viện 6178, Số TT: 0010915, quyển số 0110 ngày 04/02/2022 của Bệnh viện Từ Dũ, có tên thường gọi là Nguyễn Đăng K.

2. Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị Thúy Q tự nguyện chịu chi phí giám định DNA (Bà Quyên đã nộp xong cho Bệnh viện Truyền máu huyết học – Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Thúy Q thuộc trường hợp miễn nộp tạm ứng án phí, án phí Tòa án.

- Ông Hứa H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị Thúy Q, ông Hứa H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận T;
- Chi cục THADS quận T;
- Lưu VP, hồ sơ (Thúy)./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hoàng Thị Thanh Mai